

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trương Thị Thanh Hương**
2. Ông **Lê Ngọc Thơm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 2000. Có đơn xin xử vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà **Trần Thị Tuyết** có nội dung như sau:

Bà N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 119 do Ủy ban nhân dân phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 11/12/2019.

Sau khi kết hôn, bà và ông T sống hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không cùng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau. Hiện nay, bà và ông T mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa.

Từ tháng 5/2022 đến nay, bà N đã dắt con về nhà cha mẹ bà ở tại khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đó đến nay bà N và ông T sống ly thân mạnh ai người đó sống, không còn yêu thương nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung: Nguyễn Đăng K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/9/2020. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N có đơn xin xử vắng mặt.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Theo kết quả xác minh tại địa phương: Bà N và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T bà N sinh sống tại nhà cha mẹ ông T tại khu phố 4, phường Phước Hội, thị xã L. Vợ chồng ông T có 01 con chung. Hiện tại bà N không còn sống chung với ông T khoảng hơn 02 năm nay, con chung do bà N nuôi.

Theo kết quả xác minh từ cha mẹ bà N: Sau khi vợ chồng bà N kết hôn thì sống chung tại nhà cha mẹ của ông T 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, gia đình có khuyên bà N, có hoà giải cho vợ chồng N nhưng không được. Từ đó, bà N bồng con về nhà cha mẹ ở cho đến nay. Trong thời gian này, gia đình có khuyên bảo nhưng bà N nói không thể hàn gắn lại với ông T. thỉnh thoảng ông T có xuống thăm con nhưng không vào nhà. Mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại để tiếp tục sống chung, nên yêu cầu của bà N về ly hôn, nuôi con chung mong Tòa chấp nhận.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông T; Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20/9/2020; Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại khu phố 4, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn số 119 cấp ngày 11/12/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà N khai và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T thể hiện: Mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không cùng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau. Hiện nay, bà và ông T mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Từ tháng 5/2022 đến nay, bà N đã dắt con về nhà cha mẹ bà ở tại khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đó đến nay bà N và ông T sống ly thân mạnh ai người đó sống, không còn yêu thương nữa. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về con chung: Bà N yêu cầu được nuôi 01 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Thực tế hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi con. Bà N có nghề nghiệp, thu nhập

ổn định nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Vì vậy, giao cho bà Trần Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Đăng K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/9/2020 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, bà N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- 1. Về hôn nhân:** Bà Trần Thị Tuyết N được ly hôn ông Nguyễn Văn T.
- 2. Về nuôi con chung:** Giao cho bà Trần Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Đăng K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/9/2020.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- 3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con
- 4. Về tài sản chung, nợ chung:** Bà N không yêu cầu giải quyết.
- 5. Về án phí:** Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011605 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn